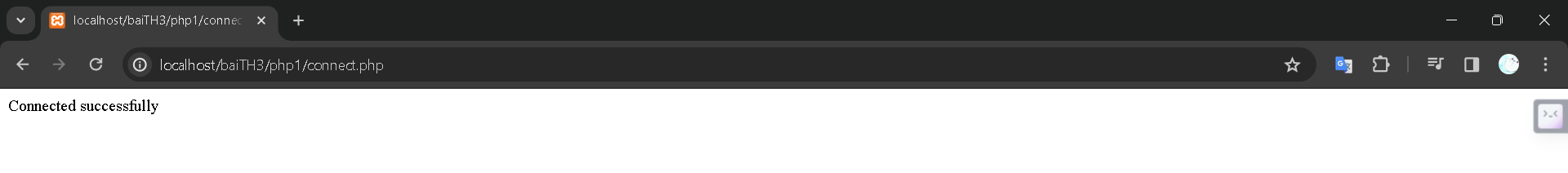
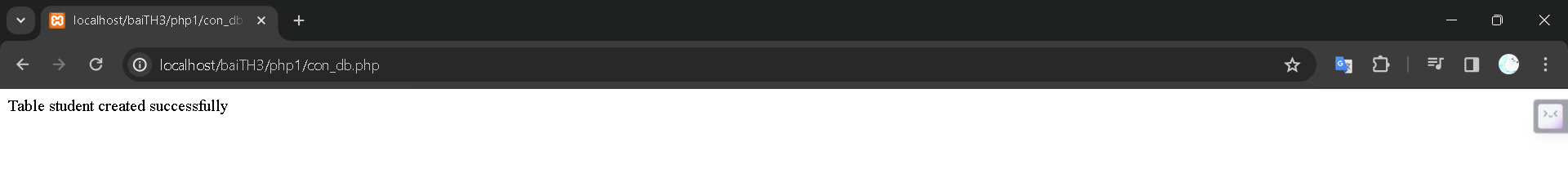
**Bài tập thực hành 03**

**1. Bạn hãy chạy tất cả các lệnh hướng dẫn ở trên và chụp lại màn hình kết quả.**

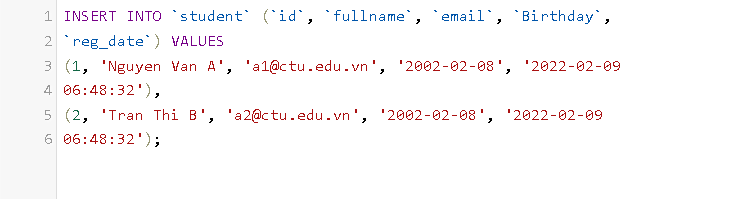
connect.php:

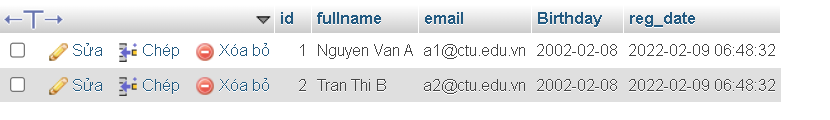


con\_db.php:

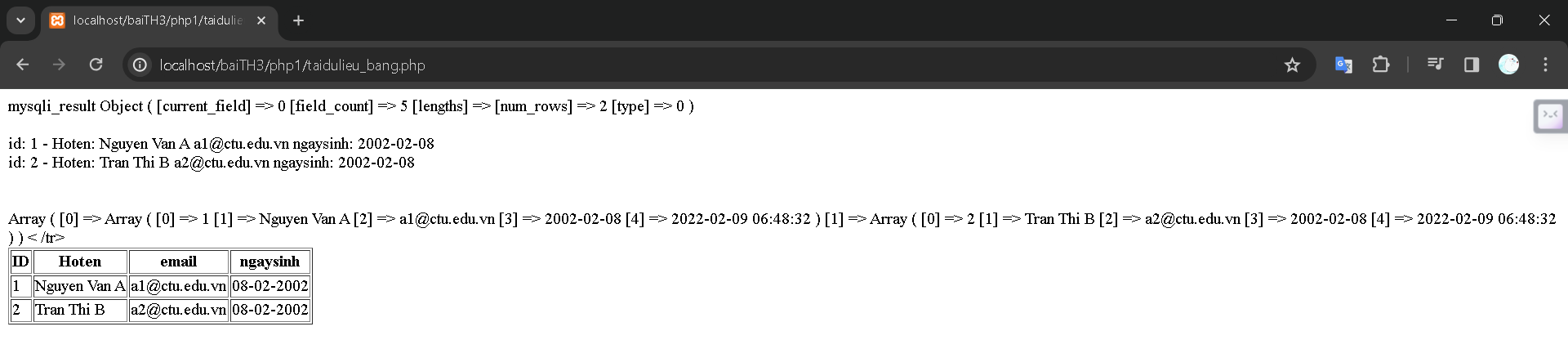


Viết vài lệnh sau dán vào phần SQL trong phpmyadmin để tạo 1 số dòng dữ liệu cho bảng

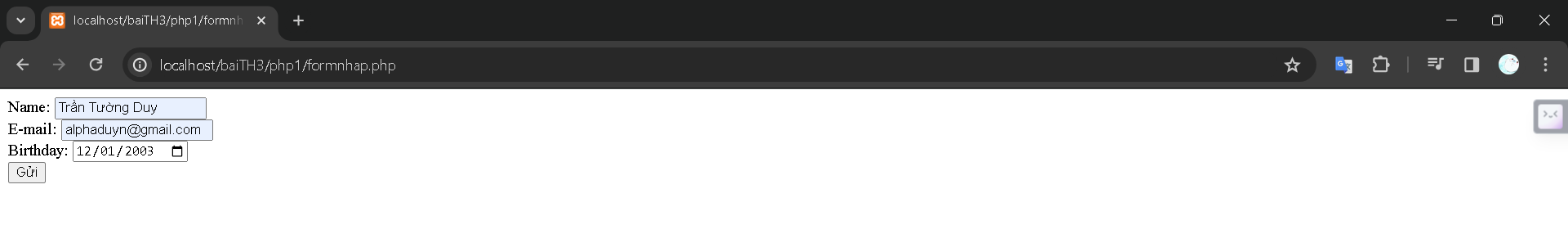
Student:  




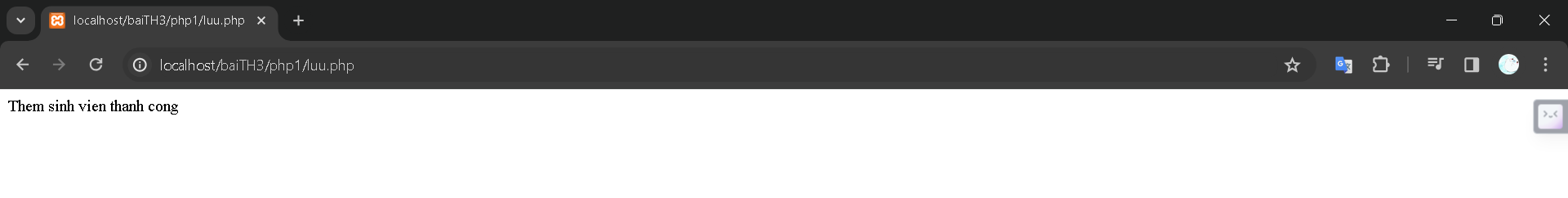
taidulieu\_bang.php:

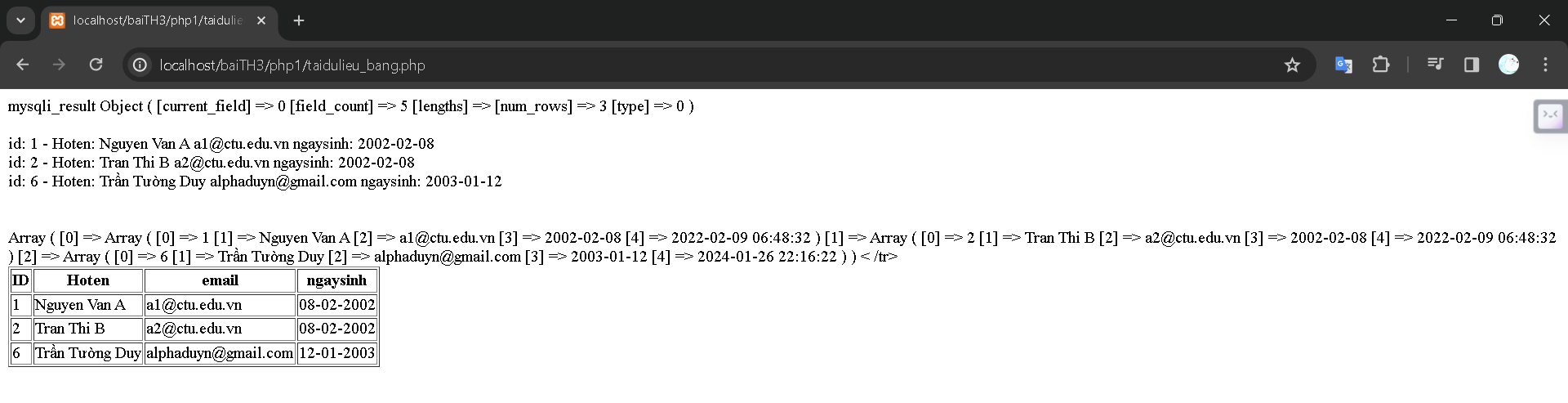


formnhap.php:

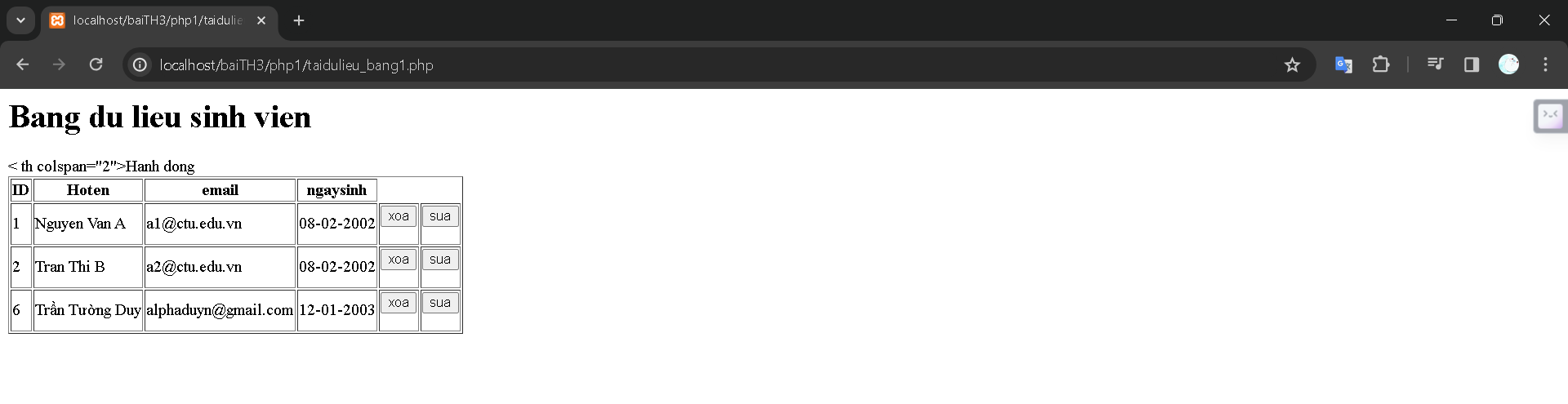


luu.php:

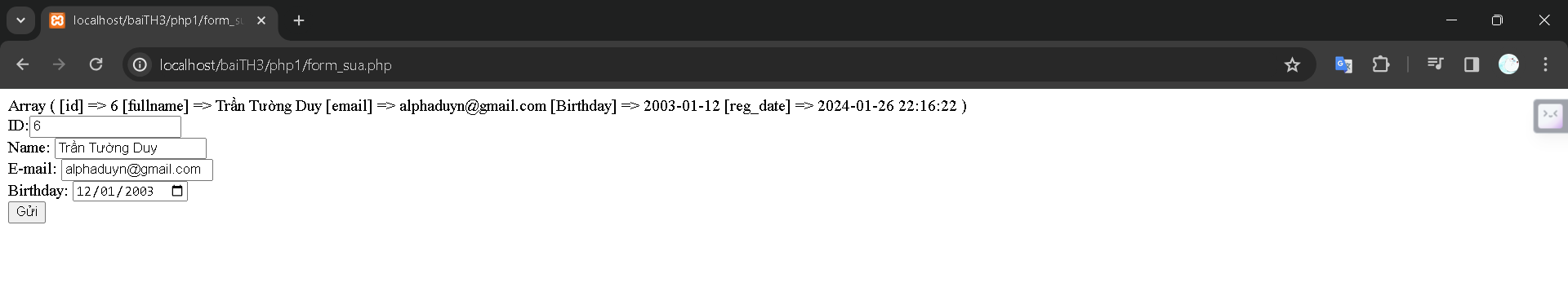




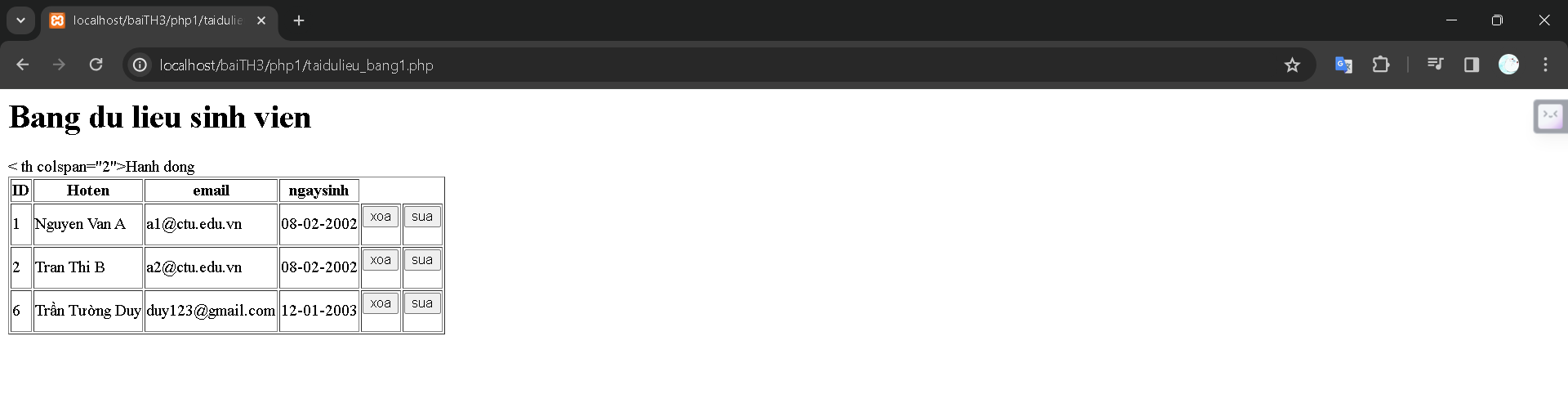
sua.php:



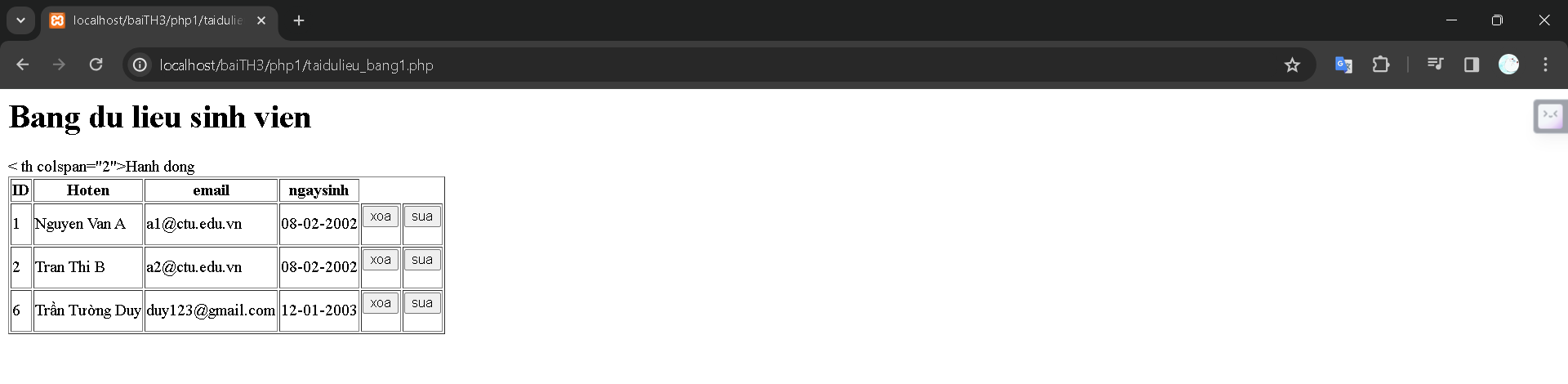
form\_sua.php:

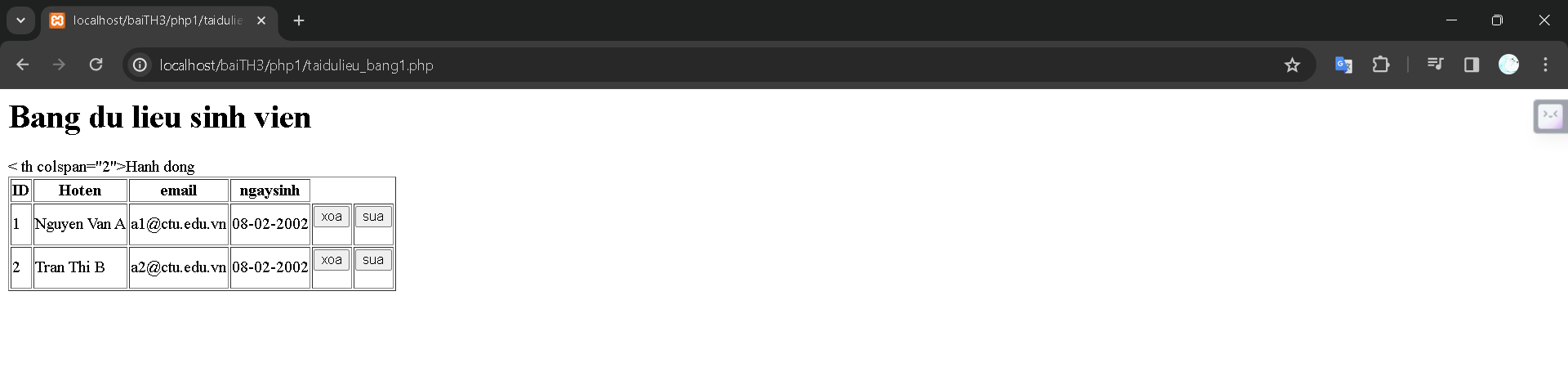


taidulieu\_bang1.php:



xoa.php:





**2. Từ code kết nối với MySQL, bạn hãy tìm và trình bày code kết nối với các hệ quản trị CSDL khác như Oracle, SQL server, SQLite.**

***\*Kết nối với Oracle:***

import cx\_Oracle

# Thay thế các thông tin kết nối của bạn

dsn\_tns = cx\_Oracle.makedsn('your\_host', 'your\_port', service\_name='your\_service\_name')

username = 'your\_username'

password = 'your\_password'

# Kết nối đến Oracle

conn = cx\_Oracle.connect(user=username, password=password, dsn=dsn\_tns)

# Tạo một đối tượng cursor để thực hiện các truy vấn

cursor = conn.cursor()

# Thực hiện các truy vấn ở đây

# Đóng kết nối

conn.close()

***\*Kết nối với SQL server:***

import pyodbc

# Thay thế các thông tin kết nối của bạn

server = 'your\_server'

database = 'your\_database'

username = 'your\_username'

password = 'your\_password'

# Kết nối đến SQL Server

conn = pyodbc.connect('DRIVER={SQL Server};SERVER='+server+';DATABASE='+database+';UID='+username+';PWD='+password)

# Tạo một đối tượng cursor để thực hiện các truy vấn

cursor = conn.cursor()

# Thực hiện các truy vấn ở đây

# Đóng kết nối

conn.close()

***\*Kết nối với SQLite:***

import sqlite3

# Thay thế đường dẫn đến file SQLite của bạn

db\_file = 'your\_database.sqlite'

# Kết nối đến SQLite

conn = sqlite3.connect(db\_file)

# Tạo một đối tượng cursor để thực hiện các truy vấn

cursor = conn.cursor()

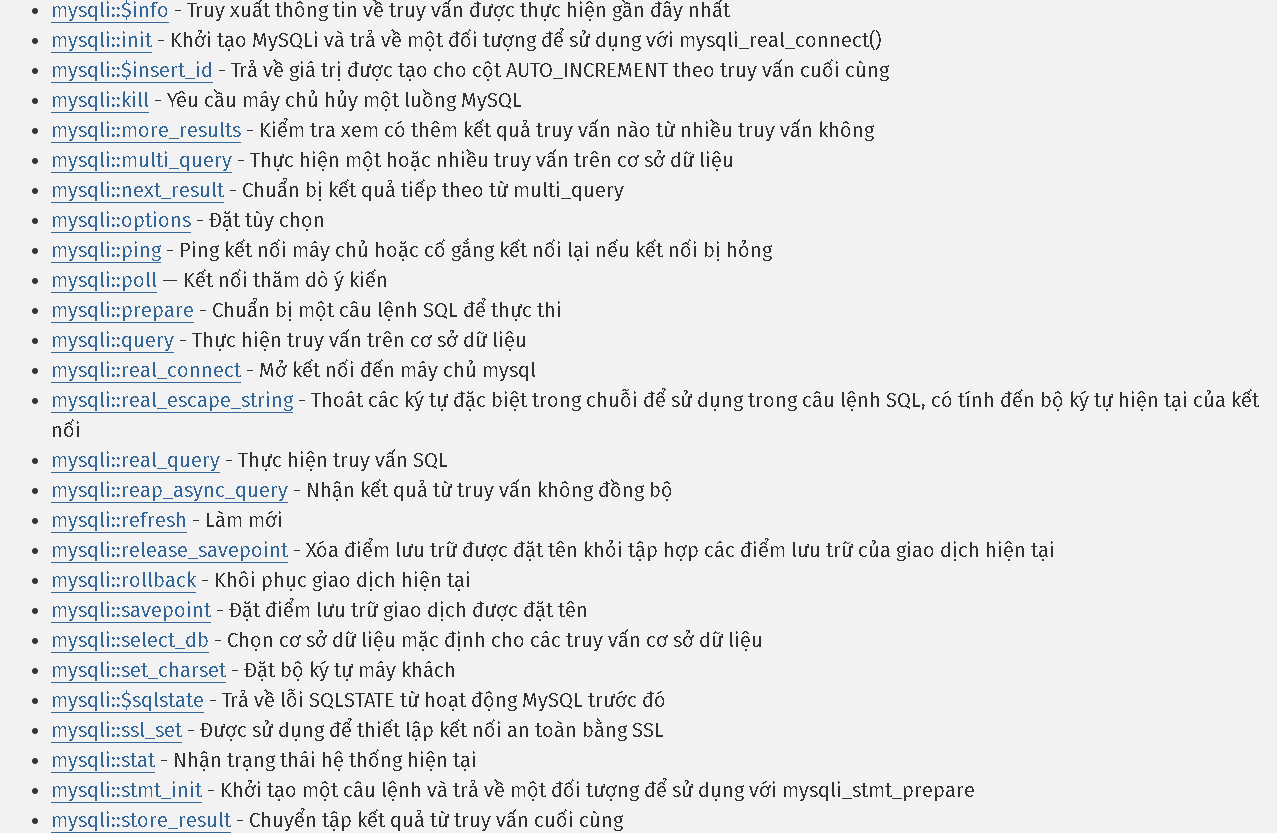
# Thực hiện các truy vấn ở đây

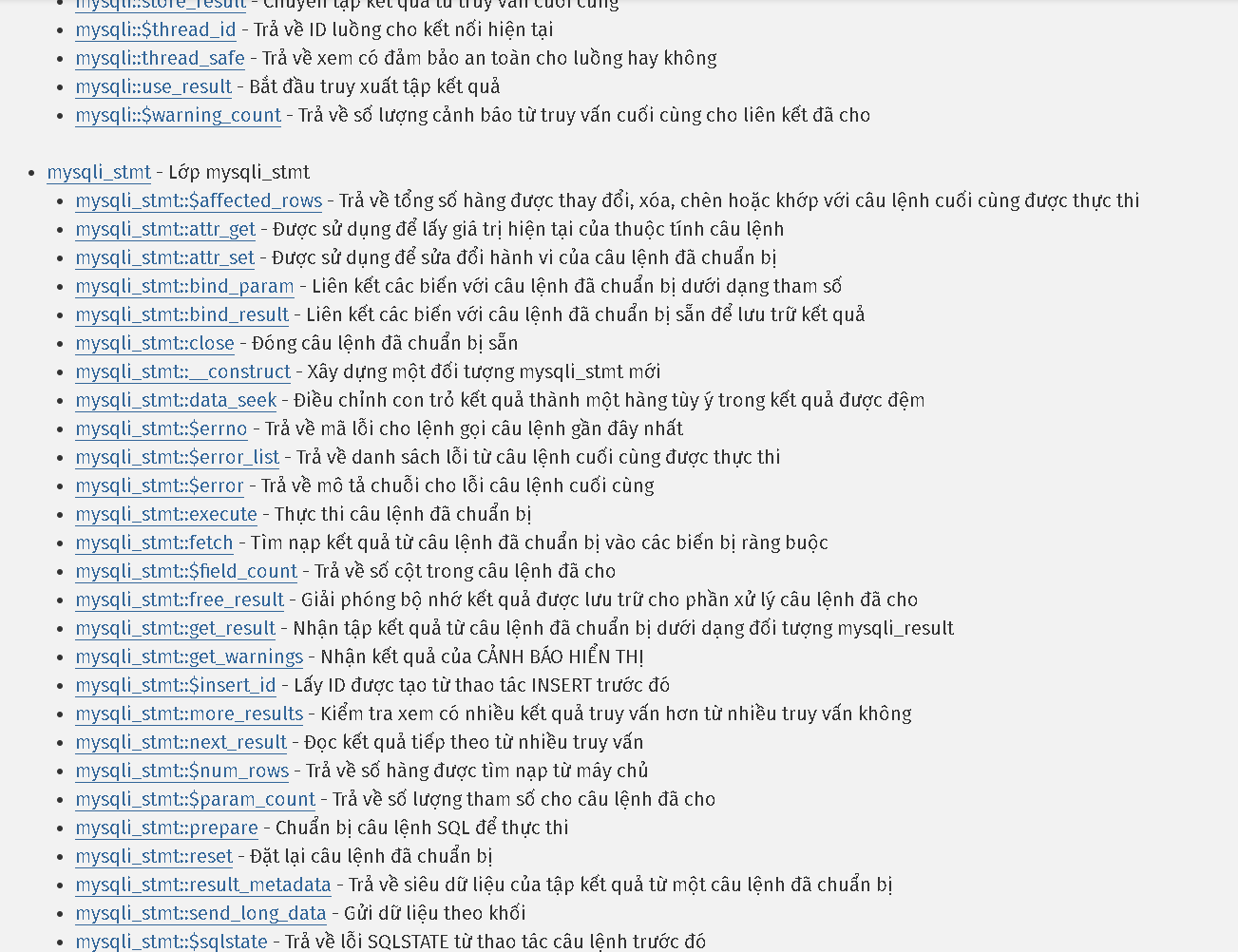
# Đóng kết nối

conn.close()

**3. Cho biết class mysqli để hỗ trợ thực hiện những điều gì. Hãy liệt kê và mô tả các phương thức trong class mysqli**

****

****

****

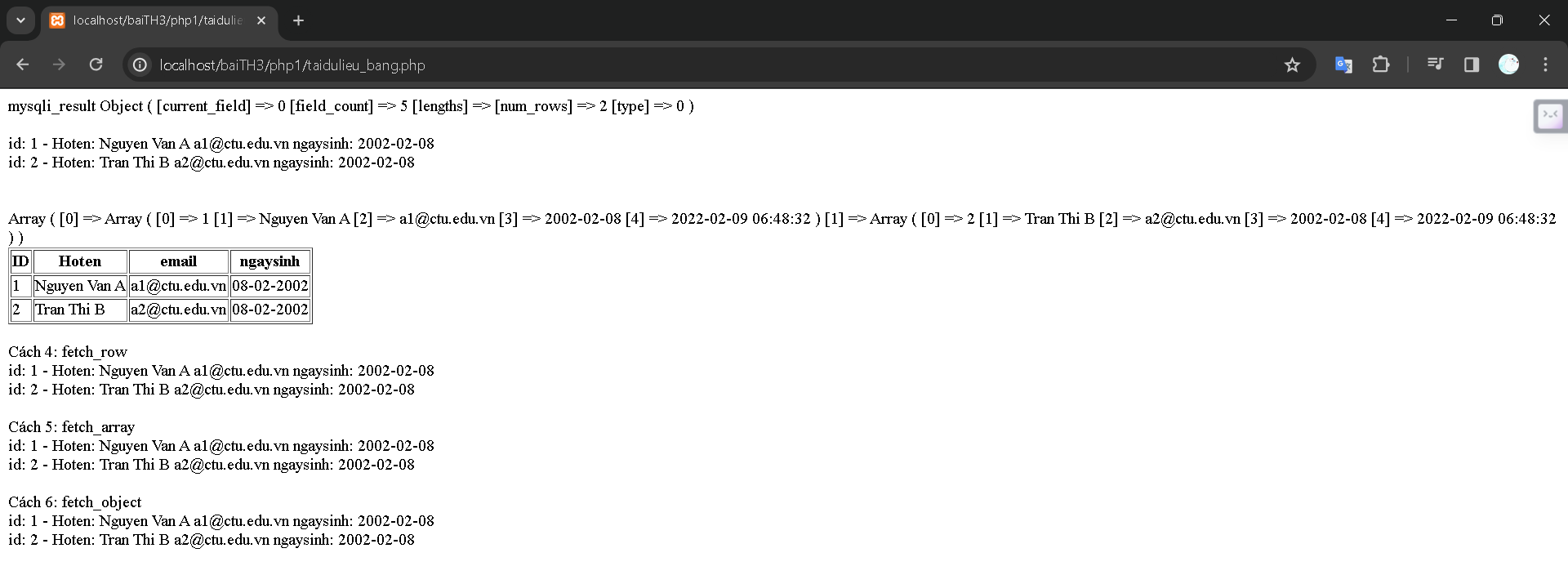
[**https://www.php.net/manual/en/book.mysqli.php**](https://www.php.net/manual/en/book.mysqli.php)

**4.** **Trong tập tin connect.php, Bạn hãy cho biết ý nghĩa của phương thức die() và cách dùng.**

Trong đoạn mã PHP này, phương thức **die()** được sử dụng để dừng thực thi của chương trình và hiển thị một thông điệp lỗi nếu có lỗi xảy ra. Trong trường hợp kết nối đến MySQL, nếu kết nối không thành công, (ví dụ: sai thông tin đăng nhập, server MySQL không khả dụng), ‘**die()’**S’**connect\_error’**S

**5. Trong tập tin taidulieu\_bang.php có dùng phương thức fetch\_assoc và fetch\_all để lấy dữ liệu từ đối tượng $result. Ngoài 2 phương thức này, các bạn hãy liệt kê các phương thức khác trong mysqli có chức năng tương tự, và hãy chạy thử các phương thức này như các cách hiển thị dữ liệu cách 4, cách 5, cách 6... trong tập tin taidulieu\_bang.php.**

1. **fetch\_row**: Trả về một mảng liên tục với các giá trị từ hàng hiện tại của kết quả.
2. **fetch\_array**: Trả về một mảng với cả tên cột và chỉ số số.
3. **fetch\_object**: Trả về một đối tượng chứa các giá trị từ hàng hiện tại của kết quả.



**6. Phương thức header trong hàm luu.php để di chuyển đến trang khác sau khi chúng ta thực hiện xong các hành động nào đó (như di chuyển đến trang chủ khi xong hành động sửa/xóa,...).Hãy mô tả chi tiết cách sử dụng, và công dụng của header (Tham khảo 3).**

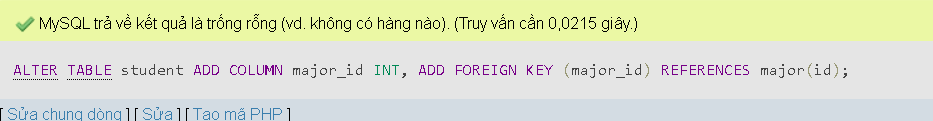
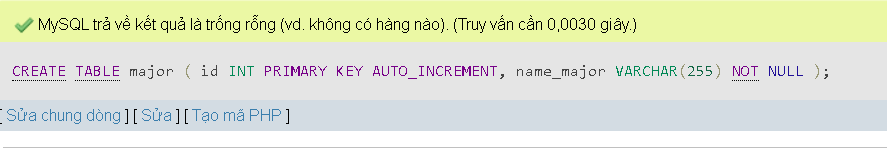
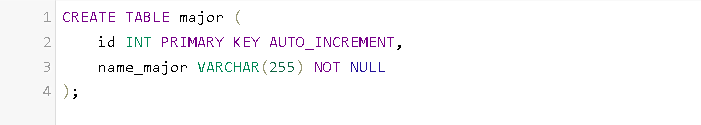
Phương thức `header()` trong PHP được sử dụng để thực hiện chuyển hướng người dùng từ một trang web PHP đến một trang web khác. Công dụng chính của nó là điều hướng người dùng đến một URL mới sau khi đã thực hiện một số hành động nào đó trên trang hiện tại.

**7. Vào CSDL qlsv, bạn hãy viết lệnh tạo thêm 1 bảng sau để có thêm thông tin về chuyên ngành (kiểu dữ liệu các bạn tự cho sao cho phù hợp):**

**major(id, name\_major)**

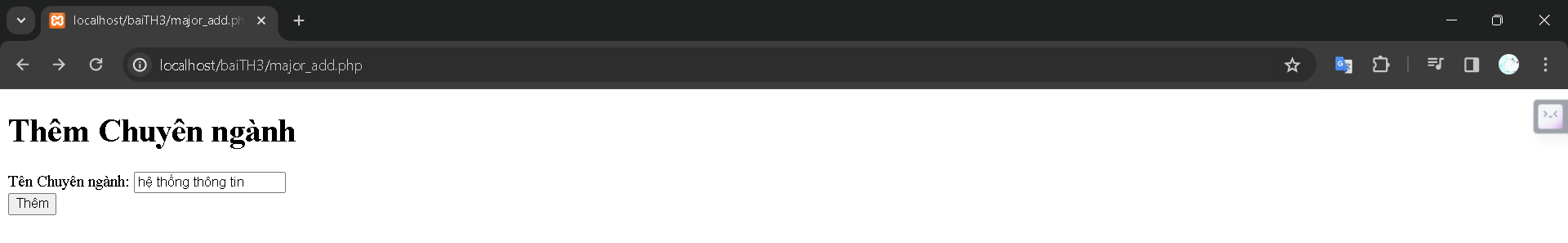
**Và thêm cột khóa ngoại major\_id vào bảng student**

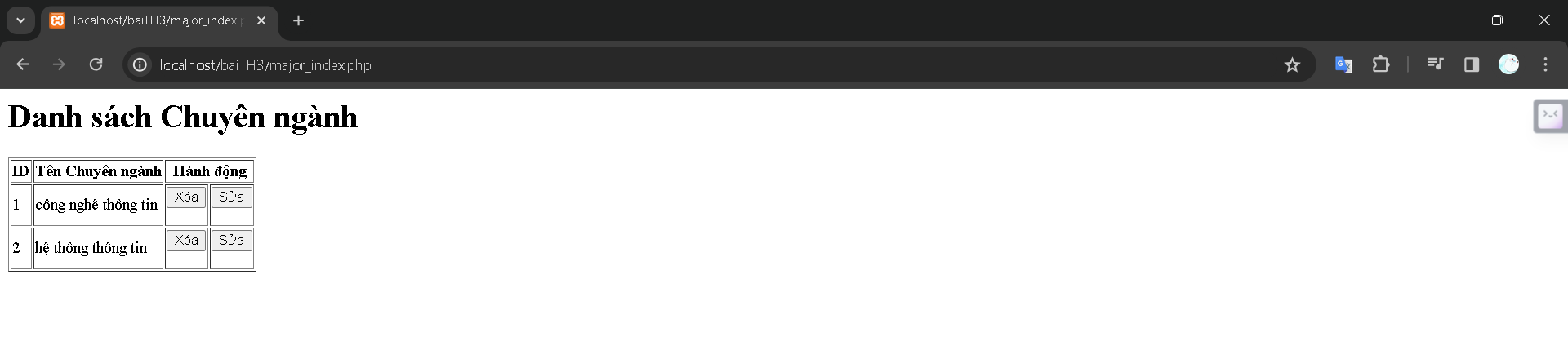
**student(id, fullname, email, birthday, major\_id)**

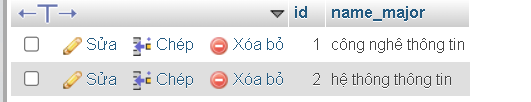
****

**8.** **Tạo các tập tin major\_index.php, major\_add.php, major\_edit.php (và major\_edit\_save.php để thực hiện hành động sửa trên csdl), major.xoa để có các trang hiển thị danh sách, thêm, sửa, xóa đối với bảng major. Gợi ý: Tham khảo taidulieu\_bang1.php, form\_sua.php, sua.php, xoa.php**

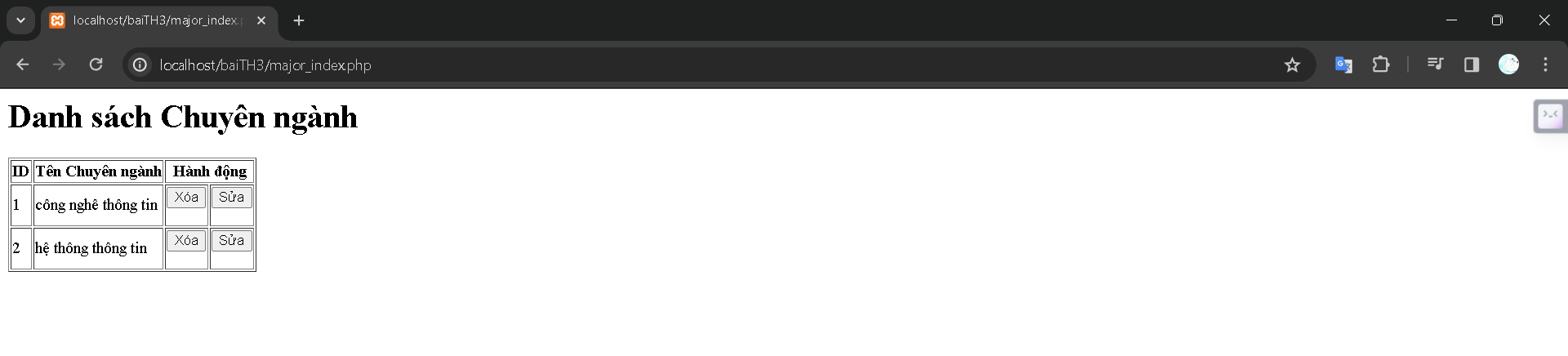
**\*Thêm chuyên ngành:**

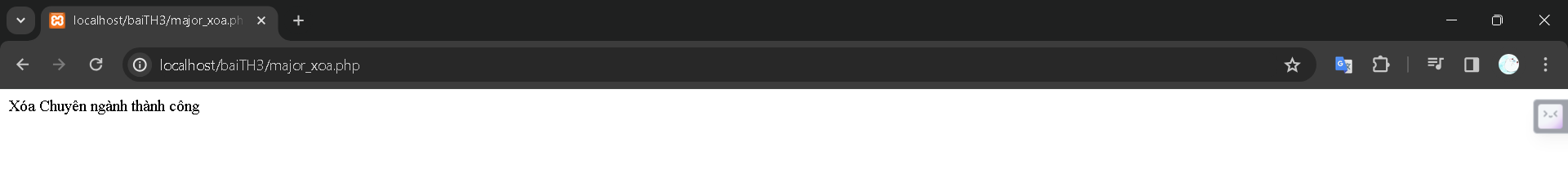
****

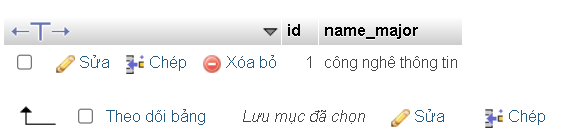
****

****

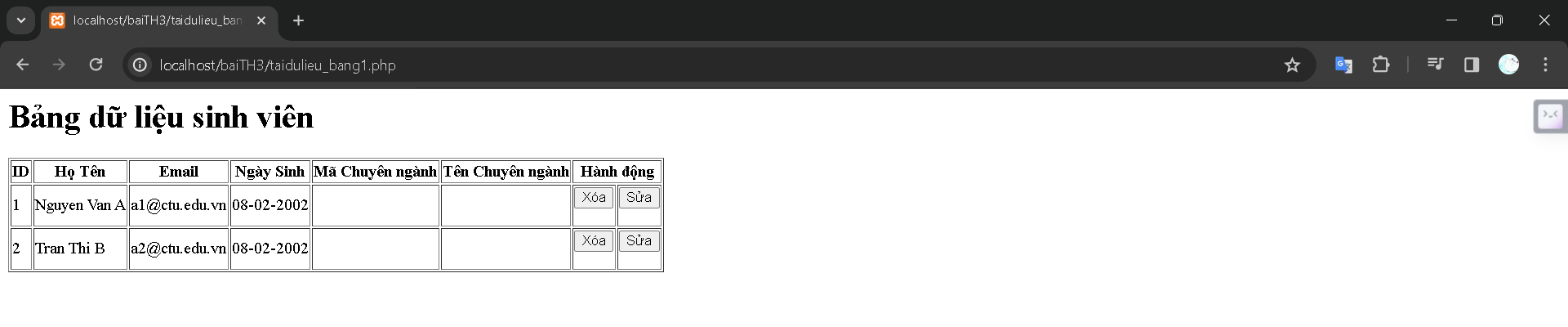
**\*Xóa chuyên ngành:**

****

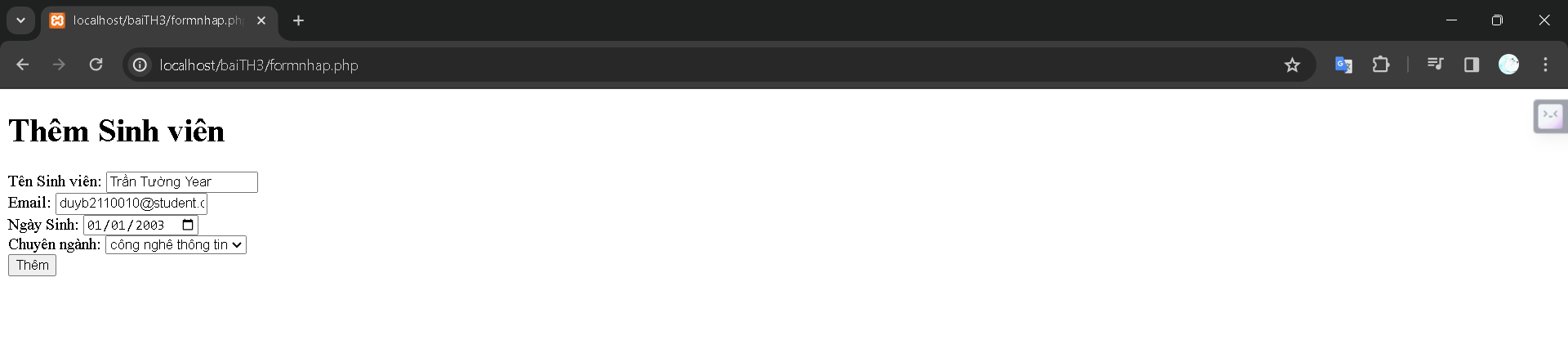
****

****

**9.** **Cập nhật lại taidulieu\_bang1.php thêm hiển thị mã chuyên ngành và tên chuyên ngành tương ứng của sinh viên. Gợi ý: các bạn sửa câu lệnh sql kết nối thêm bảng chuyên ngành.**

****

**10.** **Cập nhật tương ứng ở tập tin formnhap.php, form\_sua.php sau khi thêm phần nhập khóa ngoại dạng combobox lấy dữ liệu từ bảng major. Gợi ý: Select dữ liệu từ bảng major và đưa dạng list với tag option** [**https://www.w3schools.com/tags/tag\_option.asp**](https://www.w3schools.com/tags/tag_option.asp)

****